

Sợ Thiên Chúa Bỏ Rơi Khiến Nói Khích Cả Thiên Chúa Phân tích Tv 88: 10b-13

Fear of God's abandonment leads to provoke God

Analysis of Psalm 88: 10b-13

Giuse Nguyễn Văn Đức, S.J.^{1*}

¹ Học Viện Thánh Giuse Dòng Tên, Vietnam

* Email của tác giả liên hệ: vanducsj@gmail.com

 <https://orcid.org/0000-0001-6243-091X>

 <https://doi.org/10.54855/csl.22223>

Received: 09/03/2022

Revision: 20/03/2022

Accepted: 20/03/2022

Online: 20/03/2022

Tóm lược

Trong thời Cựu Ước, người Do thái đã tin rằng Thiên Chúa là một Đấng thưởng phạt con người tùy theo công trạng hay lỗi lầm của họ. Nên họ vừa tôn thờ Thiên Chúa nhưng cũng vừa sợ hãi Đấng họ tôn thờ, bởi vì họ cho rằng Thiên Chúa chính là nguyên nhân gây ra đau khổ. Sách các Thánh Vịnh dành một vài chương để diễn tả tư tưởng này. Đặc biệt, Tv 88 được coi như là một cuộc đối thoại của người Do thái với Thiên Chúa của họ về sự đau khổ. Cuộc đối thoại này được đẩy tới cao trào bằng những lời chất vấn của vịnh gia dành cho Thiên Chúa rằng, tại sao Ngài lại để cho mình phải gánh chịu quá nhiều đau khổ? Cao trào của lời chất vấn ấy đã làm lộ rõ vấn nạn của con người: Sợ bị Thiên Chúa bỏ rơi đến nỗi phải “nói khích” cả Thiên Chúa. Trong bài viết này, đầu tiên là phân tích bản văn Tv 88. Kế đến là phân đào sâu sứ điệp thần học của bản văn xoay quanh chủ đề nỗi sợ bị Thiên Chúa bỏ rơi. Cuối cùng là phân suy tư và phản tỉnh thần học liên hệ đến đời sống thực tế của con người trong mối tương quan với Thiên Chúa và với nỗi sợ của mình.

Từ khóa: sợ hãi, chất vấn, Thiên Chúa, “nói khích”, sầu khổ và an ủi

Abstract

In the Old Testament, the Jews believed in a God who rewarded and punished individuals based on their deeds or transgressions. Thus, they adore God but also dread Him, believing that God is the source of their pain. Several chapters of the Book of Psalms are devoted to articulating this notion. Psalm 88, in particular, is viewed as a discourse between the Jews and their God regarding suffering. The psalmist concludes this discourse by asking God why he allows himself to endure so much. The question's finale showed a human issue: fear of being abandoned by God that leads to "provoke" God.

We begin this study by analyzing the text of Ps 88. Following that, we'll examine the text's theological content, which centers on the terror of God's departure. Finally, there is theological study and meditation on man's actual relationship with God and his worries.

Keywords: fear, questioning, God, “provoking”, sorrow and consolation

Dẫn Nhập

Trong thời Cựu Ước, người Do thái đã tin rằng Thiên Chúa là một Đấng thưởng phạt con người tùy theo công trạng hay lỗi lầm của họ. Nên họ vừa tôn thờ Thiên Chúa nhưng cũng vừa sợ hãi Đấng họ tôn thờ, bởi vì họ cho rằng Thiên Chúa chính là nguyên nhân gây ra đau khổ.¹ Sách các Thánh Vịnh dành một vài chương² để diễn tả tư tưởng này. Đặc biệt, Tv 88 được coi như là một cuộc đối thoại của người Do thái với Thiên Chúa của họ về sự đau khổ. Cuộc đối thoại này được đẩy tới cao trào bằng những lời chất vấn của vịnh gia dành cho Thiên Chúa rằng, tại sao Ngài lại để cho mình phải gánh chịu quá nhiều đau khổ? Cao trào của lời chất vấn ấy đã thúc đẩy người viết tìm hiểu sâu hơn mối tương quan giữa con người với Thiên Chúa qua chủ đề “Sợ bị Thiên Chúa bỏ rơi khiến ‘nói khích’ cả Thiên Chúa.”

Bản Văn Và Thể Văn

Bản Văn

Tv 88 thuộc thể loại văn chương ai ca cá nhân, vốn diễn tả lời than thở của một người đã và đang phải chịu đựng sự đau khổ suốt cả cuộc đời.³ Nguyên nhân khiến vịnh gia phải than vãn và kêu cầu Thiên Chúa có lẽ là vì một căn bệnh hoặc một điều tội tệ nào đó tương tự khiến vịnh gia cảm thấy đau buồn và cô đơn như thể bị bạn bè bỏ rơi.⁴ Toàn bộ Tv 88 như là một lời kêu xin tha thiết mà vịnh gia dâng lên Thiên Chúa xin Ngài cứu mình khỏi cái chết.

Tv 88 được đặt ở cuối phần thứ III của các thánh vịnh 73-89 và nằm giữa Tv 87 và Tv 89. James Limburg cho rằng vị trí Tv 88 khá đặc biệt vì nó diễn đạt cảm xúc trái ngược hoàn toàn với Tv 87. Trong khi Tv 87 nói về niềm vui⁵ thì Tv 88 lại diễn tả sự ám ảnh bởi nỗi cô đơn và sầu não.⁶ Hơn nữa, Tv 89 theo sau Tv 88 ca ngợi lòng nhân nghĩa của Thiên Chúa đối với nhà Đa-vít và khẳng định rằng Chúa không thất tín bao giờ. Trong khi đó, Tv 88 lại diễn tả một khung cảnh bi đát đầy tuyệt vọng và tăm tối. Như vậy, Tv 88 không nằm trong một trật tự cảm xúc nối liền giữa Tv 87 và Tv 89, nhưng là một Tv đứt gãy về cảm xúc như là một vực thẳm với những tình trạng khủng hoảng, hoang mang, cô đơn và tuyệt vọng của vịnh gia.

Thật khó biết chính xác Tv 88 được viết năm nào, tuy nhiên lời khai mở, “Lạy TC là Đấng Cứu Độ con” mà vịnh gia sử dụng, hé lộ Tv này có thể có liên hệ đến sách Gióp. Như vậy, Tv 88 có thể được viết trong hoặc sau thời lưu đày vào khoảng năm 598-587 TCN.⁷

¹ Đặc biệt chủ đề thần học này được nhắc đến nhiều trong sách Ngũ Thư và được tranh luận nhiều trong văn chương khôn ngoan. Xem thêm tại <https://sjjs.edu.vn/su-phat-trien-ve-quan-niem-thuong-phat-trong-truyen-thong-khon-ngoan-do-thai/>

² Tv 18:21; 24:5; 58:12 và 62:13.

³ Tv 88 thuộc thể loại ai ca cá nhân nội dung nhắc nhiều đến sự xa lánh của những người thân hay quen. Những hành động mà kẻ thù hay làm lại được qui về Thiên Chúa (TC). Ngoài ra, Tv này còn dùng hình ảnh âm ty hay âm phủ (*Sheol*) để nói về tình trạng của bệnh nhân. Đây là cách nói thông thường của văn hóa Do-thái vốn coi bệnh tật là như là một dấu hiệu của *Sheol* trong cuộc sống, một tình trạng của sự chết (x. John Day, *Psalms* (New York: T&T Clark, 1999), 19-27).

⁴ Allen P. Ross, *A Commentary on the Psalms* (Grand Rapids: Kregel Publications, 2016), 805-807.

⁵ Tv 87 diễn tả niềm vui của dân Si-on, họ nhảy múa và ca hát vì được Đức Chúa đối xử ưu ái hơn mọi dân tộc khác.

⁶ James Limburg, *Psalms* (Louisville: Westminster John Knox Press, 2000), 297-298.

⁷ Năm 598 TCN, vua Na-bu-cô-đô-no-so đã bắt vua Giu-đa và một số người ưu tú sang Ba-by-lon. Đến năm 587 TCN, Na-bu-cô-đô-no-so phá hủy bình địa Giê-ru-sa-lem và đền thờ, bắt nhiều người đi lưu đày sang Ba-by-lon. X. F-L Hossfeld and E Zenger, *Psalms 2: A Commentary on Psalms 51-100*, Second edition, edited by Baltzer, K. and translated by Maloney (Minneapolis: Fortress Press, 2005), 391.

Khi so sánh các bản dịch Tv 88 của KPA, KPB, NIV, cha Nguyễn Thế Thuần với bản gốc tiếng Do-thái⁸, ngay ở câu thứ hai đã cho thấy có nhiều sự khác biệt. Trong đó, chi tiết giúp nhận ra bản dịch nào sát nghĩa với bản văn tiếng Do-thái nhất chính là từ ngữ “ngày”, “đêm” hay “ngày đêm.” Ở đây, bản KPA và NIV thì sử dụng “ngày” và “đêm” đi chung với nhau, trong khi bản cha Thuần thì chỉ có “đêm” mà không có “ngày” còn bản KPB dịch sát với bản văn tiếng Do-thái nhất khi “ngày” và “đêm” đứng ở hai vị trí độc lập với sắc thái biểu cảm riêng. “Lạy Đức Chúa là Thiên Chúa cứu độ con, ban ngày con kêu cứu, ban đêm ở trước Ngài.” Ban ngày vịnh gia có hành động ồn ào qua việc kêu cầu, nhưng ban đêm lại nhường chỗ cho sự thinh lặng và hiện diện “ở trước” Thiên Chúa. Sự đối lập này cho thấy ý nghĩa của hai từ “ngày” và “đêm” thật quan trọng đối với cuộc sống của vịnh gia. Các bản dịch không nên gộp chúng lại hay bỏ bớt một trong hai ý nghĩa này. Như vậy, KPB hẳn là bản dịch phù hợp và khả tín hơn các bản dịch khác để người viết sử dụng trong việc phân tích Tv 88.

Thế Văn

Bố cục thông thường của các Tv Ai Ca cá nhân gồm các phần: (a) Thừa với Thiên Chúa; (b) Lời than trách; (c) Lời cầu xin; (d) Lời thúc đẩy; (e) Lời cam kết, chúc tụng, ngợi khen hay khẳng định sự tin tưởng. Tuy nhiên, Tv 88 khuyết phần (d) và (e). Nó được kết thúc cách khó hiểu: “Ngài đã làm cho người yêu và người bạn xa lánh con; những kẻ biết con là nơi tối tăm” (c. 19). Với câu kết này, có vẻ như vịnh gia cảm thấy bế tắc trong hoàn cảnh của mình.⁹

Có nhiều cách phân chia cấu trúc Tv 88.¹⁰ Hầu hết các tác giả đều dựa vào nội dung của Tv 88 để phân đoạn cho bản văn, tuy nhiên khi đọc kỹ người viết nhận ra cấu trúc của Tv 88 tương đối mạch lạc. Có hai yếu tố có thể giúp nhận ra cấu trúc đặc biệt này. Trước hết, mở đầu mỗi phần đều diễn tả lời kêu cầu của vịnh gia với các động từ gần nghĩa קָרָא (kêu la, khóc) (c. 2), קָרָא (kêu, gọi) (c. 10), וָקָרָא (kêu cứu) (c. 14). Thứ đến, sau mỗi lời kêu cầu vịnh gia giải bày tình trạng khủng hoảng của mình qua những cách diễn tả khác nhau. Các biện pháp tu từ được sử dụng khá trật tự giúp các câu liên kết chặt chẽ với nhau trong cùng một phần. Tác giả E. Zenger cũng áp dụng cách này để chia Tv 88 làm 3 phần: (1) cc. 2-10a: Lời kêu cầu (2-3) và mô tả về cuộc khủng hoảng đầu tiên (4-10a); (2) cc. 10b-13: Lời kêu cầu (10b) và các câu hỏi tu từ đặt vấn đề cho Thiên Chúa (11-13); (3) cc. 14-19: Lời kêu cầu (14) và mô tả về cuộc khủng hoảng thứ hai.¹¹

⁸ <https://biblehub.com/interlinear/psalms/88.htm>

⁹ X. J. M. Boice, *Psalms* (Grand Rapids: Baker Books, 2005), 715.

¹⁰ Chẳng hạn như Hoàng Đức Ánh và Trần Phúc Nhân chia nhỏ Tv này thành 6 phần: (a) cc. 2-3: Mở: Kêu cầu Chúa. (b) cc. 4-6: Tình trạng của tác giả. (c) cc. 7-10a: Ngay cả Chúa cũng hành hạ tôi. (d) cc. 10b-13: Kêu xin Chúa can thiệp. (e) cc. 14-17: Đợi Chúa đáp lời. (f) c. 18: Kết rằng tất cả là đen tối (x. Hoàng Đức Ánh và Trần Phúc Nhân, *Như Hương Trầm* (HCM: Tủ sách Đại Kết, 1997), 88-89).

Trong khi đó CGKPV chia Tv 88 thành 4 phần: (1) cc. 1-3: Lời kêu cứu, (2) cc. 4-10: Mô tả nỗi đau cùng cực, (3) cc. 11-13: Những lý do khiến Chúa không nên để cho tác giả đi vào cõi chết, (4) cc. 14-19: Lời cầu xin được lặp lại (x. *Kinh Thánh, Ấn Bản 2011*, bản dịch và chú thích do Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ (Hà Nội: Nxb. Tôn Giáo, 2011), 1215).

Tác giả Allen Ross chia Tv 88 thành 2 phần chính: (1) cc. 1-9a: Vịnh gia kêu cầu Đức Chúa giải thoát khỏi cơn thịnh nộ của Ngài đang khiến ông cảm thấy cô đơn và bị bỏ rơi giống như người chết. (2) cc. 9b-18: Vịnh gia tiếp tục cầu xin cho sự giải thoát khỏi sự tàn phá của bóng tối vì ông không thể ca tụng Chúa nếu ông chết (x. Allen P. Ross, *A Commentary on the Psalms*, 805-807).

Còn tác giả Samuel Terrien thì chia Tv 88 thành 3 phần: (1) cc. 1-8: Sự xa cách và phần nộ của TC, (2) cc. 9-11: Sự cô đơn của cái chết, (3) cc. 12-19: Sự tước đoạt của Thiên Chúa (x. Samuel Terrien, *The Psalms: Strophic Structure and Theological Commentary* (Grand Rapids: Eerdmans Publishing Co, 2003), 626).

¹¹ X. F-L Hossfeld and E Zenger, *Psalms 2: A Commentary on Psalms 51-100*, 391.

Có thể nhận ra cấu trúc của Tv 88 thuộc kiểu cấu trúc đồng tâm đối xứng. Ở phần đầu, vịnh gia miêu tả mình như người đang cận kề cái chết và bị bạn bè xa lánh. Các cụm từ đồng nghĩa như “tử thi, người chết”, “âm phủ, huyết sâu, chốn tối tăm, vực thẳm” cho thấy các câu có liên hệ chặt chẽ với nhau vì làm nổi bật cùng một chủ đề trong phân đoạn. Ở phần thứ ba, vịnh gia không còn nhắc đến các hình ảnh tử thi hay âm phủ nữa, nhưng chuyển sang miêu tả việc vịnh gia đã phải chịu đựng những nỗi kinh hoàng của Thiên Chúa từ thuở thanh xuân và nỗi cô đơn đến tận cùng đến nỗi chỉ có tối tăm làm bầu bạn. Có thể thấy phần thứ nhất và phần thứ ba đối xứng với nhau hẳn để làm nổi bật phần thứ hai như là phần trung tâm của Tv 88. Tại tâm điểm này, vịnh gia dùng 3 câu hỏi tu từ liên tiếp để đặt vấn đề với Thiên Chúa (Cc 11-13). Cả ba câu hỏi này cùng xoay vào vấn đề nếu Chúa để vịnh gia sống trong âm phủ thì sẽ không có ai ca ngợi Ngài. Vịnh gia đưa ra các lý do có vẻ rất “hợp tình hợp lý”, cộng thêm lối nói mỉa mai nhằm nói “mock” (khiêu khích) Thiên Chúa vì phần ích lợi của Ngài mà mong Ngài xét lại, và đừng để cho vịnh gia phải chết hay rơi vào sự lãng quên.

Dựa vào những yếu tố ấy, người viết cho rằng Tv 88 được sắp đặt theo cấu trúc đồng tâm đối xứng. Trong phần tìm sớ điệp thần học, người viết sẽ tập trung phân tích phần trung tâm (cc. 10b-13) để làm nổi bật chủ đề “sợ bị Thiên Chúa bỏ rơi nên vịnh gia “nói khích” luôn cả Thiên Chúa.”

Sứ Điệp Thần Học

Thiên Chúa Là Nguyên Nhân Gây Đau Khổ

Quan niệm về một Thiên Chúa thưởng phạt dường như ảnh hưởng sâu đậm lên toàn bộ nội dung Tv 88 khi vịnh gia khẳng định “Thiên Chúa chính là nguyên nhân gây đau khổ” (cc. 7-9, 17-19). Bởi đó, Tv 88 dường như đã trình bày một hình ảnh về Thiên Chúa “xa” với Tin Mừng.

Trước tiên, qua lời than thở vịnh gia cho thấy ông là một người rất đau khổ và Thiên Chúa chính là nguyên nhân làm cho ông đau khổ. Các cụm từ “con lồi đình của Ngài” (c. 8), “Ngài đặt con” (c. 7-9), “Ngài làm cho” (cc. 9, 19), “con giận của Ngài”, “nỗi kinh hoàng của Ngài” (c. 17) cho thấy sự chủ động của Thiên Chúa trong việc làm cho vịnh gia đau khổ. Ngược lại, các cụm từ “con được kẻ” (c. 5), “con bị giam cầm” (c. 9) diễn tả sự bị động và bất lực của vịnh gia khi đứng trước các cuộc khủng hoảng. Tuy nhiên, ông vẫn tin vào Thiên Chúa rằng Đấng đã làm ra đau khổ cũng là Đấng sẽ cứu vớt và giải thoát ông khỏi khổ đau. Ở đây, với sự quy gán nguyên nhân đau khổ đến từ Thiên Chúa, vịnh gia đã diễn tả về Thiên Chúa “như nhân”, có những cảm xúc như con người: giận, ghét, phạt, thương.

Tiếp theo, vịnh gia cũng đã dùng lối nói thậm xưng để diễn tả nỗi đau khổ cùng cực của mình như “đầy ứ đau khổ, âm phủ gần kề.” Bên cạnh đó vịnh gia sử dụng phép biện ngẫu song đối “hồn con/ mạng sống con; âm phủ gần kề/ kẻ xuống mồ; người chết/ tử thi” và biện ngẫu tam đối “Huyết sâu/ chốn tối tăm/ vực thẳm; Xa lánh/ ghê tởm/ bị giam cầm” để làm nổi bật tai họa liên tục đổ xuống trên mình. Đáng chú ý là vịnh gia sử dụng nhiều các từ liên quan đến “âm phủ” như “huyết sâu, chốn tối tăm, vực thẳm” cho thấy quan niệm về thế giới của người chết đã được hình thành khá rõ ràng trong thế giới quan của người Do thái. Có lẽ người Do thái thời đó quan niệm chết là hết. Họ nhìn cái chết một cách cay đắng và là một điều không ai tránh khỏi. Người chết không còn được ai “nhớ” tới và “bị cắt đứt khỏi tay” Thiên Chúa. Do đó, vịnh gia nghĩ rằng Thiên Chúa đã bỏ mặc người chết trong âm phủ và Ngài không còn có một chút tương quan nào với họ nữa.

Tuy nhiên, Tv 88 cũng có những giá trị “gần” với giá trị của Tin Mừng. Dù chịu nhiều đau khổ, vịnh gia vẫn kiên trì tha thiết nài xin và tin tưởng vào TC. Đặc biệt, trong toàn bộ Tv vịnh gia kể về nỗi đau khổ mà không xuất hiện bóng dáng của tội lỗi. Có thể thấy vịnh gia là đại diện của những người công chính mà vẫn phải chịu đau khổ. Phải chăng vịnh gia đang đề cao một cách nào đó giá trị của mẫu nhiệm thập giá trong cuộc sống hàng ngày.¹²

Sợ Bị Thiên Chúa Bỏ Rơi Khiến “Nói Khích” Cả Thiên Chúa

Trong cấu trúc đồng tâm đối xứng của Tv 88, phần tâm điểm (10b-13) trở thành phần cao trào và thú vị nhất. Một điều đáng lưu ý nữa là nội dung câu 12 cũng là tâm điểm của các câu 11 và 13, làm nổi bật thêm chủ đề vịnh gia cả gan nói khích cả Thiên Chúa. Liệu rằng việc vịnh gia nói khích Thiên Chúa là sự vô lễ hay chỉ là lối bộc lộ cảm xúc đơn sơ chân thành? Ở phần dưới đây, người viết sẽ tập trung phân tích kỹ và tìm hiểu xem liệu vịnh gia có thực sự giữ cho mình quan niệm truyền thống về một Thiên Chúa thương phạt nữa hay không?

a. Câu 10b: Nỗi sợ trở thành lời kinh nguyện liên li

Lạy Đức Chúa, suốt cả ngày con kêu lên Ngài,
và giờ đôi bàn tay con hướng về Ngài.

Tv 88:10b

Trạng từ כל יום nghĩa là “suốt cả ngày” cho thấy vịnh gia dành trọn thời gian cho việc kêu lên Thiên Chúa mà không ngưng nghỉ. Đây chính là thái độ của người kiên trì cầu nguyện cho dù cuộc sống của vịnh gia còn nhiều điều khác phải làm. Động từ קרא – *to call* “kêu lên” vừa muốn gây chú ý với Thiên Chúa, vừa khẩn nài và trông mong sự đoái nhìn của Thiên Chúa. Hai từ gần nghĩa với động từ này xuất hiện ở câu 2 và câu 14 là tiếng kêu cùng với sự khóc than¹³ trong khi đó קרא trong câu 10b lại là tiếng kêu không có nước mắt. Có thể hiểu được rằng, vịnh gia đã lau nước mắt và can đảm kêu lên với Thiên Chúa. Sự chuyển biến tâm trạng này của

¹² Hơn nữa, khi so sánh Tv 88 với sách Ngôn sứ Isaia và Gióp, Tv 88 này có liên hệ đến những ý thần học sau:

Thứ nhất, khi liên hệ Tv 88 với Is 53 - Bài ca thứ tư và cuối cùng về người Tôi Trung của Thiên Chúa - (Is 42:1-7 ; Is 49:1-6 ; Is 50:4-9 ; 52:13 - 53:12) ta có thể rút ra những suy nghĩ: Trong Bài ca thứ tư, Thiên Chúa cho biết lý do (đúng) tại sao người Tôi Trung phải chịu đau khổ: (1) để gánh chịu hình phạt cho nhân loại, và (2) để đạt được vinh quang tuyệt đỉnh. Đồng thời, Thiên Chúa cho thấy con người đã hiểu sai về người Tôi Trung đau khổ: “Còn chúng ta, chúng ta lại tưởng người bị phạt, bị Thiên Chúa giáng hoạ, phải nhục nhã ê chề.”

Thứ hai, khi liên hệ Tv 88 với sách Gióp, chúng ta có thể hiểu hơn về Tv này. Quả thật, thời sách Gióp xuất hiện, quan niệm về thưởng phạt cá nhân ở đời sau nơi dân Ít-ra-en chưa được minh bạch. Quan niệm về tình trạng con người sau khi chết rất mơ hồ. Cái chết đến bất chợt và có một lần, nên người ta không biến mất hoàn toàn. Sau khi chết, người ta xuống âm phủ (*Sheol*) để sống buồn thảm. Trong nơi cư trú tối tăm này, tất cả mọi người đều như nhau, giàu hay nghèo, lương thiện hay bất lương. Do đó ý niệm về thưởng phạt hoàn toàn theo viễn tượng cuộc sống tại thế. Kẻ tội lỗi gánh chịu hậu quả việc làm bất chính của mình là đau khổ.

Sách Gióp đã khai phá một con đường dẫn đưa người ta đi xa hơn quan niệm thưởng phạt đời này. Nhân vật Gióp là một kiểu mẫu cho những ai chịu thử thách đau khổ. Dù đón đau trong tinh thần (con cái chết, bị vợ bỏ, bạn bè khinh), nơi thể xác (ghê lở hôi thối, gầy gò, mất hết tài sản), ông Gióp vẫn yêu mến trung thành phụng thờ Thiên Chúa, không dám oán trách Thiên Chúa. Ông quả quyết mình vô tội, vì ông là người ngay thẳng, vẹn toàn, kính sợ Thiên Chúa. Có công chính như vậy, ông mới chịu đựng nỗi thử thách. Thiên Chúa tín nhiệm ông Gióp là kẻ phụng thờ Người, nên Người đã để cho Xa-tan hành hạ ông. Cuối cùng, câu trả lời cho vấn nạn “Thiên Chúa có công bình không?” đã được giải đáp: Thiên Chúa hành động theo ý của Người, chứ không theo ý của phàm nhân (x. *Kinh Thánh, Ấn Bản 2011*, 1045).

¹³ קנה – *a ringing cry* (c. 2) và ענין – *cry out for help* (c. 14).

vịnh gia thật đáng lưu ý. Nó cho thấy vịnh gia giờ đây không còn sợ hãi một Thiên Chúa thưởng phạt nữa nhưng ông đã có dấu hiệu được củng cố và lấy lại sự tự tin để chuẩn bị cho cuộc đối thoại với Thiên Chúa như là một người bạn gần gũi.

Động từ נפש – *to spread* “giơ đôi bàn tay” củng cố cho giả thiết vừa nêu. Hành vi đưa tay ra như là một cách vịnh gia không còn phòng thủ, nhưng đúng hơn là một cử chỉ cầu mong hòa bình, muốn mở lòng gặp gỡ đối tượng mà vịnh gia đang hướng tới.¹⁴ Qua đó, vịnh gia muốn dâng lên Chúa những tâm tình đang chất chứa trong tâm hồn. Nó cũng là hình ảnh một đứa con giơ tay hướng về cha mẹ mỗi khi nó cần đến sự che chở của các ngài. Quả thật, nếu như Thiên Chúa là một người Cha nhân từ thì hãy nhận lời vịnh gia vì ông xem mình như một đứa trẻ thơ hàng ngày đang thành tâm kêu xin sự cứu giúp của Thiên Chúa. Tuy nhiên, các câu 11-13 cho thấy vịnh gia có vẻ rất “lém” khi dám cả gan “chất vấn” hay nói “mock” cả Thiên Chúa. Vịnh gia bộc lộ tâm tình nguyện xin bằng ba câu hỏi tu từ liên tiếp nhau.

Câu 11: Nỗi sợ dẫn đến chất vấn quyền năng của Thiên Chúa

Phải chăng Ngài sẽ làm điều kỳ diệu cho những người chết,
hay những âm hồn sẽ trỗi dậy để ngợi khen Ngài ? Ngưng.

Tv 88:11

Xét về thủ pháp nghệ thuật, câu này sử dụng biện pháp biên ngẫu song đối: “làm điều kỳ diệu” là của Thiên Chúa và “ngợi khen” là của con người. Đây là hai hành động chỉ rõ tương quan qua lại giữa Thiên Chúa và con người. Trong cách diễn tả thông thường hai vế nên được nối với nhau bằng cụm từ “người sống.” Bởi vì chỉ có người sống mới được thụ hưởng điều kỳ diệu Thiên Chúa làm cho họ, và đối lại họ sẽ đáp lại bằng hành động ngợi khen Thiên Chúa của mình. Tuy nhiên, vịnh gia lại nối hai vế này bằng cụm danh từ מות – *the die*: người chết và רפך – *ghosts*: âm hồn. Biện pháp tu từ này cho thấy sự nghịch lý mà vịnh gia muốn thừa lên nhằm nói “mock” Thiên Chúa rằng Ngài đừng quên chỉ có người sống mới biết ngợi khen Ngài. Vì thế, nếu Ngài muốn con ngợi khen Ngài thì xin Ngài hãy để cho con sống. Mặt khác, theo mạch văn thì cụm từ “điều kỳ diệu” Thiên Chúa làm chính là việc Ngài làm cho người chết “trỗi dậy” để họ sống mà ca ngợi Ngài. Trong cách nói “mock” đầy mỉa mai này vịnh gia cho thấy quan điểm thần học thời đó chưa có niềm tin vào việc Thiên Chúa làm cho kẻ chết sống lại. Do vậy, bằng lối nói “mock”, vịnh gia nhấn mạnh đến lòng muốn (đến nỗi nài xin) Thiên Chúa hãy để cho ông được sống dồi dào và triển nở chứ không phải là một người sống vật vờ như người đã chết.

Câu 12: Nỗi sợ dẫn đến chất vấn về tình thương của Thiên Chúa

Người ta có kể về tình thương của Ngài trong mồ mả,
và lòng thành tín của Ngài trong cõi âm ty không ?

Tv 88:12

¹⁴ Đây cũng là tư thế cầu nguyện quen thuộc của người Do-thái khi cầu nguyện, người ta đứng và giơ đôi tay về phía trước.

Vinh gia tiếp tục sử dụng biện ngẫu song đối חַסְדִּים - *Your lovingkindness*: tình thương của Ngài và אֱמוּנָה - *Your faithfulness*: lòng thành tín của Ngài để nói về chính căn tính của Thiên Chúa.¹⁵ Đây chính là hai đặc tính mà con người sẽ sử dụng trong lời “kể” của mình để “ngợi khen” Thiên Chúa. Vinh gia sử dụng động từ סָפַר – *recount*: kể lại, cho thấy ông luôn nhớ đến từng điều kỳ diệu mà Thiên Chúa đã làm cho ông. Tuy nhiên, vinh gia lại đặt ra vấn đề liệu rằng ở “trong mồ mả” và “cõi âm ty” thì người chết có kể lên những điều đáng ca ngợi đó nơi Thiên Chúa nữa hay không? Bởi vì, “mồ mả” (קֶבֶר : *a grave*: mồ mả) hay “cõi âm ty” (אֲבַדּוֹן : *place of destruction* – nơi bị phá hủy) không phải là chỗ hạnh phúc và thiếu vắng sự hiện diện của Thiên Chúa, trái lại đó lại là nơi có nhiều khổ đau và bị lãng quên.¹⁶ Nói cách khác, người sống trong đau khổ hay người chết trong âm phủ làm sao có thể kể về những điều tốt lành của Thiên Chúa được, bởi vì “ca ngợi” không tương hợp với tình cảnh của người đau khổ hay người chết. Cho dù người chết cất lên lời ngợi khen đó thì liệu có ai muốn lắng nghe và liệu Thiên Chúa có đoái đến chăng. Những lời “ngợi khen” Thiên Chúa xem ra chẳng có ích gì nếu chúng được cất lên nơi âm phủ.¹⁷ Bởi đó, vinh gia muốn Thiên Chúa giải cứu ông khỏi cõi diệt vong của âm phủ, để ông có thể kể lại “tình thương và lòng thành tín” của Ngài và ca ngợi Ngài ở chốn dương gian và giữa những người còn đang sống (x. Tv 117).

Vinh gia xác tín rằng chỉ có người đang sống mới có thể kể về “tình thương” và “lòng thành tín” của Thiên Chúa. Nói một cách khác người thực sự sống là người biết ngợi khen Thiên Chúa. Để “gia cố” vững chắc hơn cho lập luận của mình, vinh gia tiếp tục thêm câu hỏi tu từ thứ ba.

Câu 13: *Nỗi sợ dẫn đến chất vấn lòng chính trực của Thiên Chúa*

Người ta có biết việc kỳ diệu của Ngài trong bóng tối,
và sự chính trực của Ngài trong miền đất quên lãng ?

Tv 88:13

¹⁵ Danh từ “tình thương” (*hesed*) và “lòng thành tín” (*’emet*) vốn đã từng xuất hiện ở Tv 85:11: “Tình thương và lòng thành tín đã hội ngộ, sự công chính và hoà bình đã hôn nhau” xuất hiện lại trong c. 12 này. Ngoài ra, ý tưởng về “lòng thành tín” của Thiên Chúa và “âm phủ” hay “âm ty” còn được gặp thấy trong Tv 30:10: “Lợi ích gì với máu của con, với việc con xuống mồ ? Phải chăng bụi đất sẽ ngợi khen Ngài, sẽ loan báo lòng thành tín của Ngài ?”

¹⁶ Danh từ “mồ mả” và “cõi âm ty” (*’abaddon*) được dịch theo nhiều cách là “cõi diệt vong”, “nơi hư hỏng”, “vực thẳm”. Từ “’abaddon” vốn được sử dụng trong cách sách G 26:6 ; 28:22 ; 31:12 ; Cn 15:11 ; 27:20 ; Kh 9:11, đồng nghĩa với “âm ty” hay “âm phủ” (šə’öl). X. *Kinh Thánh, Ấn Bản 2011*, 1215.

¹⁷ Quả thật, người Do-thái quan niệm rằng: Thứ nhất, người chết quên hết mọi sự hoặc chẳng còn hay biết biết gì, ví dụ ông Gióp nói với Thiên Chúa rằng nếu như Ngài giấu ông trong âm phủ thì “Con cái nó có được vè vang rạng rỡ, nó cũng chẳng hay ; chúng có bị khinh khi miệt thị, nó nào có biết !” (G 14:21) hoặc sách Giảng viên có chép “Người sống ít ra cũng biết mình sẽ chết, còn người chết chẳng biết gì cả ; họ đâu còn được hưởng điều gì, vì đã bị rơi vào quên lãng. Bao yêu thương, oán hận, ganh tị của họ đã tiêu tan cả rồi, và muốn đòi họ sẽ không được dự phần vào bất cứ chuyện gì xảy ra dưới ánh mặt trời nữa... Những gì trong tâm tay, bạn hãy ra sức làm, vì trong cõi âm ty, nơi bạn đang đi tới, không còn hoạt động, không còn dự tính, chẳng còn hiểu biết, chẳng còn khôn ngoan.(Gv 9:5.10). Thứ hai, người chết không thể ca ngợi Thiên Chúa, ví dụ Tv 30:10 viết : “Lợi ích gì với máu của con, với việc con xuống mồ ? Phải chăng bụi đất sẽ ngợi khen Ngài, sẽ loan báo lòng thành tín của Ngài ?” hoặc Is 38:18 nói: “Vì ở chốn tử vong, không người ca tụng Chúa, và trong nơi âm phủ, chẳng ai ngợi khen Ngài. Kẻ xuống mồ cũng dứt niềm trông cậy vào lòng Chúa tín trung.” Hay Hc 17:27-28 trình bày : “Trong âm phủ, ai nào ca ngợi Đấng Tối Cao, nếu những kẻ đang sống không dâng lời cảm tạ ? Người đã chết thì hết xung tưng, vì nó không còn nữa ; chỉ người đang sống và khoẻ mạnh mới ca ngợi Đức Chúa.”

Danh từ “việc kỳ diệu” xuất hiện lần thứ hai trong Tv này tạo một thể đối xứng giữa câu 13 với câu 11 với tâm điểm là câu 12. Tuy nhiên điều khác biệt với câu trên là “việc kỳ diệu” được đặt song đối với “sự chính trực” *הַצְדִּיקָה* - *Your righteousness*. Ở đây, vịnh gia đã kể thêm một căn tính khác không thể thiếu được của Thiên Chúa đó là sự chính trực vốn là điều hiển nhiên và ai cũng biết. Tuy nhiên, trong “miền đất quên lãng” người chết không biết gì đến sự chính trực của Thiên Chúa bởi vì sự chính trực của Thiên Chúa không giúp họ được sống, trái lại dường như sự chính trực đó lại đang khiến cho người chết không bao giờ còn hy vọng thay đổi được kết quả của bản án Thiên Chúa đã phán quyết. Bên cạnh đó, cặp từ biến ngẫu “bóng tối” và “miền đất lãng quên” càng tô điểm thêm những hình dung của vịnh gia về “âm phủ”.¹⁸ Như vậy, vịnh gia muốn khẳng định rằng người chết sẽ quên Thiên Chúa và Ngài sẽ không được họ nhận biết Ngài là Thiên Chúa nữa. Do đó, Thiên Chúa và quyền năng của Ngài sẽ bị giới hạn ở đời này, Ngài cũng sẽ bị “thiệt” nếu như để cho vịnh gia chết.

Như vậy, cả ba câu hỏi tu từ trên đã thể hiện tâm tư “thầm kín” của vịnh gia rằng ông muốn sống. Tâm tư này được thể hiện qua cách nói “mock” Thiên Chúa. Qua đó vịnh gia cho thấy ông không hề hỗn hay bất kính với Thiên Chúa. Trái lại, ba câu hỏi tu từ này cho thấy vịnh gia là người luôn hoàn toàn tin tưởng vào Thiên Chúa với tâm lòng đơn sơ chân thành.

Lời Mời Gọi Sống

Sống ở đời, con người vẫn mang trong mình nhiều nỗi sợ. Thử hỏi rằng đâu là nỗi sợ khủng khiếp nhất mà con người phải đối diện. Qua lời của Tv 88 ta có thể nhận ra nỗi sợ Thiên Chúa bỏ rơi được xét như là nỗi sợ khủng khiếp nhất. Bởi vì, sự hiện hữu của con người liệu có nghĩa lý gì nếu không có Thiên Chúa đồng hành và yêu thương. Nỗi sợ này cũng thường xuất hiện khi con người bước qua ngưỡng cửa của cái chết. Thú vị thay, nỗi sợ Thiên Chúa bỏ rơi trong Tv 88 rất gần với cuộc sống hiện sinh của con người đặc biệt là người ki-tô hữu ngày nay.

Ki-Tô Học – “Đức Ki-Tô Kinh Nghiệm Bị Chúa Cha Bỏ Rơi”

Chúa Giê-su nhập thể chia sẻ thân phận con người, Ngài cũng trải qua kinh nghiệm đối diện với sự chết để cứu chuộc con người. Tin Mừng diễn tả lại Chúa Giê-su hấp hối khi Ngài ở trong vườn Dầu: “Người bắt đầu cảm thấy buồn rầu xao xuyến” (Mt 26:37); Thậm chí thánh Luca diễn tả cơn hấp hối đè nặng lên Chúa Giê-su đến nỗi “mồ hôi Người như những giọt máu rơi xuống đất” (Lc 22: 44) và nhất là trên cây thập giá Ngài cũng đã thốt lên rằng “Lạy Thiên Chúa, Thiên Chúa của con, sao Ngài bỏ rơi con?” (Mc 15: 34). Như vậy, Chúa Giê-su đã thực sự phải chịu đau khổ cả thể xác lẫn tinh thần khi bước vào kinh nghiệm của cái chết trong thân phận con người. Tuy nhiên, Ngài luôn cầu nguyện, tin tưởng và phó thác vào Tình Yêu quan phòng của Chúa Cha. Đặc biệt, theo các nhà chú giải Kinh Thánh, trên thập giá Chúa Giê-su đã cầu nguyện với Tv 22¹⁹ “Lạy Chúa con thờ, muôn lạy Chúa, Ngài ở lòng ruồng bỏ con sao? Dù con thảm thiết kêu gào, nhưng ơn cứu độ nơi nao xa vời!” Như vậy, qua lời cầu nguyện

¹⁸ Cách nói về một nơi chốn toàn là “bóng tối” hoặc “vùng đất bị lãng quên” khiến ta liên hệ đến bốn từ chỉ về tối tăm trong sách Gióp: “Trước khi con ra đi, không hẹn ngày trở lại, đi về nơi tăm tối, dưới bóng từ thần, nơi tăm tối, mịt mù, hỗn độn, nơi ánh sáng và bóng tối cũng như nhau” (x. G 10:21-22).

¹⁹ X. CGKPV, Kinh Thánh, Ấn bản 2011, 2247.

này, chính Chúa Giê-su đã chạm đến nỗi khổ cùng nhất của con người và Ngài đã thay mặt nhân loại kêu lên Chúa Cha với niềm cậy trông tín thác.

Thánh Mẫu Học – “Đức Maria Trong Kinh Nghiệm Sợ Lạc Mất Chúa”

Đức Maria cũng đã trải qua những biến cố khiến Mẹ đã thực sự cảm nhận những đau khổ khi bị chia cắt với Con của Mẹ. Mẹ đã lạc mất trẻ Giê-su khi đi hành hương lên đền thờ Giê-ru-sa-lem (Lc 2: 41-50). Đặc biệt trong câu nói của Mẹ với Chúa Giê-su đã toát lên nỗi lo lắng của Mẹ dành cho Chúa Giê-su, một kinh nghiệm sợ lạc mất trẻ Giê-su (Lc 2: 48). Và trong câu trả lời của Chúa Giê-su, Mẹ phải chấp nhận người con sẽ dần xa rời vòng tay chăm sóc và nâng niu của Mẹ (Lc 2:49). Những lời này thật khó hiểu nên Mẹ vẫn phải hằng suy đi nghĩ lại (Lc 2:19). Đây hẳn là nỗi đau khổ mà một người mẹ phải gánh chịu vì tình yêu bà dành cho đứa con. Đây cũng là biến cố đầu tiên Mẹ thực sự cảm nhận lời của cụ già Si-mê-on đã nói bắt đầu được ứng nghiệm (x. Lc 2:35b). Quả thế, đỉnh cao của tình mẫu tử cũng được diễn tả qua nỗi thống khổ của Mẹ khi đứng dưới chân thập giá chứng kiến cái chết của Chúa Giê-su (x. Ga 19:25). Nhưng trong đau khổ, Mẹ vẫn tiếp tục nhận lãnh một sứ mạng mới mà Chúa Giê-su muốn trao phó cho Mẹ (x. Ga 19:26). Dưới chân thập giá, Mẹ tin tưởng và đón nhận sự sắp xếp của Chúa Giê-su khi trao Mẹ lại cho người môn đệ (x. Ga 19:27). Do đó, Mẹ Maria là mẫu gương của người sống Đức Tin trọn vẹn khi Mẹ lặp lại “xin vâng” dưới chân thập giá. Mẹ đã không sợ hãi khi đối diện với cái chết của Con Mẹ, trái lại Mẹ nhìn thấy cái chết như một sự thành toàn của thánh ý của Thiên Chúa. Như thế, nhờ vượt lên trên kinh nghiệm về chia lìa của cái chết Mẹ đã chạm tới sự kết nối của Thiên Chúa với nhân loại.

Nhân Học Ki-Tô Giáo: Con Người Sợ Hãi Khi Đối Diện Với Cái Chết

Cái chết đến từ đâu và tại sao lại khiến cho con người sợ hãi?²⁰ Trong quan niệm của Ki-tô giáo, cái chết đến từ tội lỗi. Chính vì phạm tội mà con người phải chết. Cái chết thể lý được biểu hiện qua sự hư nát của thân xác. Cái chết linh hồn biểu hiện qua tình trạng con người phạm tội làm mất ân sủng của Thiên Chúa. Dù linh hồn của con người có tính vĩnh cửu nhưng vì hậu

²⁰ Trong cuộc sống, cái chết khiến cho nhiều người lo sợ bởi vì con người không biết chuyện gì sẽ xảy ra sau ngưỡng cửa của cái chết. Nhưng cũng có nhiều người tin rằng chết không phải là hết, là đi vào cõi hư vô. Quan niệm tích cực và lạc quan đó được diễn tả trong quan niệm của Ki-tô giáo về con người là sự kết hợp giữa thân xác và linh hồn. Trong đó con người được đặt trong mối tương quan gắn bó mật thiết với Thiên Chúa. Khi đối diện với cái chết, cho dù thân xác có bị hư hoại thì linh hồn vẫn còn tồn tại và người đó vẫn còn tương quan với Thiên Chúa nhờ linh hồn vĩnh cửu. Sau khi chết, con người có thể được hưởng phúc Thiên Đàng ngay lập tức, nếu như khi sống ở đời này con người đó đặt niềm tin vào Chúa Giê-su. Do đó, khi đối diện với cái chết người ki-tô hữu luôn có niềm tin cậy tín thác vào Chúa Giê-su, Đấng đã trải qua cái chết và đã được sống lại. Đó chính là niềm hy vọng con người được sống lại và có thể được hưởng phúc Thiên Đàng với Thiên Chúa.

Tuy nhiên, cuộc sống đời này cũng liên hệ đến sự sống đời sau và giá trị của sự sống đời sau thì quan trọng hơn đời này (Lc 16: 26; Mt 9:25; Mc 8:36). Con người luôn được mời gọi không ngừng nỗ lực bắt chước Chúa Giê-su sinh nhiều hoa trái ở ngay tại đời sống trần thế này, nhờ đó họ được thưởng phúc Thiên Đàng đời sau. Mặt khác, khi con người phạm tội, ngay trần gian này con người là những tội nhân trước mặt Chúa thì họ cần phải được thanh luyện ở đời này và cả đời sau trước khi hưởng nhan thánh Chúa. Ví dụ: một người còn mắc tội, sau khi chết được thanh luyện ở luyện ngục. Ngược lại, những người đã có công phúc trước mặt Chúa ở đời này, họ cũng đã chịu những đau khổ mà cá nhân phải chịu không do lỗi của họ thì họ sẽ được Chúa thưởng phúc Thiên Đàng ở đời sau. Đặc biệt là những người chịu bắt bớ và đau khổ vì đạo Chúa thì sau khi qua khỏi đời này, họ được hưởng nhiều công phúc trước mặt Thiên Chúa. Ví dụ: các thánh tử đạo đã phải đổ máu và dùng cái chết của mình để làm chứng cho Chúa. Họ đã được phúc từ vì đạo và được Chúa ban thưởng phúc Thiên Đàng ngay.

quả của tội lỗi mà linh hồn đó sống kể như đã chết. Vì thế, đã là con người thì ai cũng đều phải trải qua cái chết vì con người luôn phải mang lấy hậu quả của tội lỗi. Tuy nhiên con người được cứu và được trả về tình trạng ban đầu nhờ cái chết và sự phục sinh của Chúa Giê-su.²¹ Vậy nỗi sợ thực sự xoay quanh “Cái chết thể lý” hay “cái chết linh hồn”?

Hầu hết con người sợ chết chỉ vì không muốn buông bỏ những gì mình đang có, đặc biệt là mạng sống. Những kẻ độc tài thường sử dụng bạo lực và chiến tranh để gieo rắc nỗi sợ chết cho con người. Tuy nhiên, Chúa Giê-su đã dạy cho các môn đệ rằng: “Anh em *đừng* sợ những kẻ giết thân xác... *hãy* sợ Đấng đã giết rồi, lại có quyền ném vào hỏa ngục.” (Lc 12: 4-5). Như vậy, con người thường sợ cái chết thể lý hơn cái chết linh hồn, nhưng Chúa Giê-su cho thấy cái chết linh hồn mới đáng phải lo sợ. Thiên Chúa có thể làm cho kẻ chết trỗi dậy, nhưng những kẻ cắt đứt tương quan với Thiên Chúa thì sẽ bị ném vào hỏa ngục.

Kết Luận

Từ những điều đã được phân tích ở trên, sau đây là một vài điểm sáng đáng lưu ý của Tv 88. Thứ nhất, chúng ta có thể khẳng định Tv 88 thực sự đã diễn tả nỗi sợ lớn nhất của con người: “Sợ Thiên Chúa bỏ rơi khiến nói khích cả Thiên Chúa.” Thứ hai, tác giả Tv 88 đã dùng các biện pháp tu từ rất tinh tế để thể hiện mối tương quan giữa vịnh gia với Thiên Chúa như một người bạn thân thiết đủ tin tưởng để “nói khích”. Thứ ba, mặc dù Tv 88 không diễn tả niềm vui hay bất cứ niềm hy vọng nào, nhưng vẫn để lại những hình ảnh của sự “trung tín” vốn chỉ có nơi một người sống Đức Tin vững chắc.

Khi đọc Tv 88 trong lăng kính hiện sinh người đọc dễ dàng cảm nhận được nỗi sợ tâm sinh lý đối với cái chết mà con người ai cũng phải trải qua, thậm chí là cả nỗi cô đơn khi bị bỏ rơi và cả những bất an của cuộc sống. Tuy nhiên, nếu đọc Tv 88 trong kinh nghiệm thiêng liêng thì Tv 88 lại như là một bằng chứng sống động về đời sống Đức Tin của người Do thái trong Cựu Ước. Một Đức Tin trưởng thành luôn sống niềm hy vọng vào Thiên Chúa ngay cả trong những lúc chẳng còn gì để hy vọng. Cũng vì thế, dường như Tv 88 dẫn người đọc đi qua một đường hầm tưởng chừng chẳng có lối thoát, nhưng người đi trên hành trình đó vẫn phải tiếp tục tin tưởng và bước tới Thiên Chúa ví tựa ánh sáng đang đón đợi ở cuối đường hầm.

Vì thế, Tv 88 vừa mang trong mình tâm tình thiêng liêng vừa rất gần với cuộc sống hiện sinh của con người. Nhờ sự nối kết giữa kinh nghiệm thiêng liêng và hiện sinh, cuộc sống con người²² dù gian lao vất vả đến mấy cũng luôn có sự đồng hành của Thiên Chúa.

²¹<http://www.simonhoadalat.com/HOCHOI/THANHOC/77ThanHocCaiChet.htm> accessed 27 November 2020.

²² “Chung quanh bầu bạn chỉ là bóng đêm” (Tv 88:18d, theo bản KPA).

Tài liệu tham khảo

- John Day (1999). *Psalms*. New York: T&T Clark, 19-27.
- Allen P. Ross (2016). *A Commentary on the Psalms*. Grand Rapids: Kregel Publications, 805-807.
- James Limburg (2000). *Psalms*. Louisville: Westminster John Knox Press, 297-298.
- F-L Hossfeld and E Zenger (2005). *Psalms 2: A Commentary on Psalms 51-100*, Second edition, edited by Baltzer, K. and translated by Maloney. Minneapolis: Fortress Press, 391.
- J. M Boice (2005). *Psalms*. Grand Rapids: Baker Books, 715.
- Hoàng Đắc Ánh và Trần Phúc Nhân (1997). *Như Hương Trầm*. HCM: Tủ sách Đại Kết, 88-89.
- Kinh Thánh (2011). *Kinh Thánh*. Bản dịch và chú thích do Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ. Hà Nội: Nxb. Tôn Giáo, 1215.
- Allen P. Ross (n.d.). *A Commentary on the Psalms*, 805-807.
- Samuel Terrien (2003). *The Psalms: Strophic Structure and Theological Commentary* (Grand Rapids: Eerdmans Publishing Co., 626).
- F-L Hossfeld and E Zenger (2011). *Psalms 2: A Commentary on Psalms 51-100*, 391.
- Kinh Thánh, Ấn Bản 2011, 1045.
- Kinh Thánh, Ấn Bản 2011, 1215.

Biodata

Giuse Nguyễn Văn Đức, S.J. là Tu sĩ Dòng Tên Việt Nam. Hiện nay Nguyễn Văn Đức đang là sinh viên Thần học Năm II tại Học Viện Thánh Giuse Dòng Tên, Việt Nam.

Joseph Nguyen Van Duc, S.J. is a Jesuit from Vietnam. Nguyen Van Duc is now enrolled in the second year of theology at Saint Joseph Jesuit Scholasticate, Vietnam.